

Số: 131 /BC-UBND

Nga Sơn, ngày 13 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO

Kiểm tra công trình thủy lợi trước mùa mưa lũ năm 2018.

Thực hiện Công văn số 711/SNN&PTNT-TL, ngày 21/3/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc báo cáo kiểm tra công trình thủy lợi trước mùa mưa lũ năm 2018. Ủy ban nhân dân huyện Nga Sơn đã tổ chức kiểm tra, đánh giá thực tế các công trình thủy lợi trước mùa mưa lũ năm 2018 như sau:

PHẦN I: TÌNH HÌNH CÁC CÔNG TRÌNH ĐẦU MÓI

A. CÁC CỐNG TƯỚI, TIÊU DƯỚI ĐÊ

I. Cống dưới đê.

1. Cống Hội kê Nga Lĩnh: Cống 1 cửa có khẩu diện $b \times h$ (1,2*1,2m).
 - Phần công trình: Sân trước, sân sau, thân cống ổn định.
 - Phần cơ điện: 1 ổ khoá V3. Hoạt động bình thường.
2. Cống Giải Uẩn Nga Lĩnh: Cống 1 cửa có khẩu diện $b \times h$ (1,0*1,45m)
 - Phần công trình: Đá lát bảo vệ 2 mái kênh phía sông bị bong tróc, khẩu diện cống nhỏ, tưới tiêu chậm. Ty cống bị cong vênh.
 - Phần cơ điện: 1 ổ khoá V2.Biện pháp: Xây mới cống.
3. Cống Hói Đò Nga Lĩnh: Đã được làm lại năm 2015.
4. Cống Quai Sy: Hoạt động bình thường.
5. Cống Thanh Lãng I: Hoạt động bình thường.
6. Cống Thanh Lãng II: Hoạt động bình thường.
7. Cống Thanh Lãng III: Hoạt động bình thường.
8. Cống Hậu Trạch I: Hoạt động bình thường: Cống 1 cửa có khẩu diện $b \times h$ (1,9m x 2,74m)
 - Phần công trình: Hoạt động bình thường.
 - Phần cơ điện: 1 ổ khoá V5. Hoạt động bình thường.
9. Cống Hậu Trạch II: Cống 2 cửa có khẩu diện $b \times h$ (1,85m x 1,9m)
 - Phần công trình: Cống bị lũng mang, tường cánh bị hỏng.
 - Phần cơ điện: 2 ổ khoá V5. Hoạt động bình thường.
10. Cống Phương Phú: Cống bị sứt hèm, tai cửa rỉ nặng, nước rò qua hèm phai, lũng mang cống.
 - Cống 1 cửa có khẩu diện $b \times h$ (1,45 x 2,2m).

- Phần cơ điện: 1 ổ khoá V3. Hoạt động bình thường.
- 11. Cổng Hoa Tuệ: Hoạt động bình thường.
- 12. Cổng Hoàng Long 1: Cổng 2 cửa có khẩu diện $b \times h$ (1,3x1,9m)
 - Phần công trình: Đã làm lại lan can, cầu công tác và 2 cửa van năm 2014.
 - Phần cơ điện: 2 ổ khoá V2+V3. Hoạt động bình thường.
- 13. Cổng Hoàng Long 2: Hoạt động bình thường.
- 14. Cổng Tiến Giáp: Hoạt động bình thường.
- 15. Cổng Tiến Thành: Hoạt động bình thường.
- 16. Cổng Tiến An: Cổng ổn định.
- 17. Cổng Bạ Tình: Hoạt động bình thường.
- 18. Cổng Trường Sơn: Cổng 1 cửa có khẩu diện $b \times h$ (3m x 2,5m)
 - Phần công trình: Sân trước, sân sau, thân cổng ổn định.
 - Phần cơ điện: 1 ổ khoá V5. Hoạt động bình thường.
- 19. Cổng Bộ Đội - Nga Thái: Cổng 1 cửa có khẩu diện $b \times h$ (2,2m x 2,5m)
 - Phần công trình: Sân trước, sân sau, thân cổng ổn định.
 - Phần cơ điện: 1 ổ khoá V5. Hoạt động bình thường.
- 20. Cổng Điền Tư - Nga Thái: Cổng ổn định
- 21. Cổng Phát Hải mới: Cổng 2 cửa có khẩu diện $b \times h$ (1,8m x 2,5m)
 - Phần công trình: Hoạt động bình thường.
 - Phần cơ điện: 2 ổ khoá V5 và ty công bị mất.
- Biện pháp : Bổ sung 2 ổ khóa V5 và ty công.
- 22. Cổng Ông Ngọ:
 - Cổng 1 cửa có khẩu diện $b \times h$ (1,5*3,6)
 - Phần công trình: Cổng ngăn, lũng mang.
- 23. Cổng Tân Thịnh: Cổng 2 cửa có khẩu diện $b \times h$ (1,7*2,3)
 - Phần công trình: Tấm lát phía sông bị nứt vỡ, lan can cầu công tác bị đứt gãy hoàn toàn, cửa cổng rò rỉ.
 - Phần cơ điện: Mất ty và ổ khóa.
- Biện pháp: Bổ sung 2 ổ khóa V5 và ty công. Sửa chữa lại cổng.
- 24. Cổng Trung Nga Thắng: Cổng 2 cửa có khẩu diện $b \times h$ (1,15*1,45)
 - Phần công trình: Cổng bị lũng mang, tường cổng bị rò rỉ nước.
 - Phần cơ điện : 1 ổ khoá V2. Hoạt động bình thường.
- Biện pháp : Sửa chữa lại cổng.
- 25. Cổng Khóa Ba Đình: Cổng 2 cửa có khẩu diện $b \times h$ (1,36*2,15m)
 - Phần công trình: Hoạt động bình thường.
 - Phần cơ điện: 1 ổ khoá V2. Hoạt động bình thường.

26. Cổng Trạm bơm 1: Cổng 2 cửa có khẩu diện $b \cdot h$ (1,0*1,2m)

- Phần công trình: Hoạt động bình thường.

- Phần cơ điện: 1 ổ khoá V5. Hoạt động bình thường.

27. Cổng Mỹ Thành: Cổng 2 cửa có khẩu diện $b \cdot h$ (1,0*1,58)

- Phần công trình: Cổng ngán, lũng mang.

- Phần cơ điện: 1 ổ khoá V3. Hoạt động bình thường.

Biện pháp: Làm lại cổng mới.

28. Cổng Tứ Thôn: Hoạt động tốt.

29. Cổng Xóm 8 Nga Vịnh: Hoạt động bình thường.

30. Cổng Tuân Đạo Nga Vịnh: Hoạt động bình thường.

31. Cổng Nghi Vịnh-Nga Vịnh: Hoạt động bình thường.

32. Cổng Ngõ mới Nga Trường: Hoạt động bình thường.

33. Cổng Ngũ Kiên Nga Trường: Hoạt động bình thường.

34. Cổng Phá Hội Nga Thiện: Hoạt động bình thường.

35. Cổng cây Đa Nga Điền: Hoạt động bình thường.

36. Cổng Đình xóm 7 Nga Điền: Hoạt động bình thường.

37. Cổng chùa Nga Điền: Hoạt động bình thường.

38. Cổng ông Nam Nga Điền: Hoạt động bình thường.

39. Cổng Bãi nghề Nga Điền: Hoạt động bình thường.

40. Cổng ủy ban Nga Điền: Cổng ổn định.

41. Cổng Ba Bì Nga Điền: Hoạt động bình thường.

42. Cổng Đình xóm 4 Nga Điền: Hoạt động bình thường.

43. Cổng nam Hoàn Nga Điền: Hoạt động bình thường.

44. Cổng Trí Cú Nga Điền: Hoạt động bình thường.

II. Cổng nội đồng thuộc địa phương quản lý:

1. Cổng Ông Tư Nga Thanh: Cổng 1 cửa có khẩu diện $b \cdot h$ (2,2*3)

- Phần công trình: Sân trước, sân sau, thân cổng ổn định.

- Phần cơ điện: 1 ổ khoá V3. Hoạt động bình thường.

2. Cổng Ông Miều Nga Thanh: Cổng 1 cửa có khẩu diện $b \cdot h$ (1,7*2)

- Phần công trình: Sân trước, sân sau, thân cổng ổn định.

- Phần cơ điện: Không có máy đóng mở.

3. Cổng Ông Đường Hưng Long : Cổng 1 cửa có khẩu diện $b \cdot h$ (2,2*2,3)

- Phần công trình: Sân trước, sân sau, thân cổng ổn định.

- Phần cơ điện : 1 ổ khoá V3 . Hoạt động bình thường.

4. Cổng Thổ Ba Đình: Cổng 1 cửa có khẩu diện $b \cdot h$ (2,2*2,3)

- Phần công trình: Cổng ổn định.

- Phần cơ điện : 1 ổ khoá V3. Hoạt động bình thường.

5. Cổng Vân chùa Bắc Hưng Long: Cổng 1 cửa có khẩu diện $b \cdot h$ (1,8*2,5)

- Phần công trình : Sân trước, sân sau, thân cổng ổn định.

- Phần cơ điện: 1 ổ khoá V3. Hoạt động bình thường.

6. Cổng Vườn chùa Nam Hưng Long: Cổng 1 cửa có khẩu diện $b \cdot h$ (2,2*2,5)

- Phần công trình : Cổng ổn định.

- Phần cơ điện: 1 ổ khoá V3. Hoạt động bình thường.

7. Cổng Núi sến Nam Hưng Long: Cổng 1 cửa có khẩu diện $b \cdot h$ (2,2*2,4)

- Phần công trình: Cổng ổn định.

- Phần cơ điện: 1 ổ khoá V3. Hoạt động bình thường.

8. Cổng Hưng Long 1 Nga Tiên: Cổng 1 cửa, công fi 80 cm

- Phần công trình: Sân trước, sân sau, thân cổng ổn định.

- Phần cơ điện: 1 ổ khoá V2. Hoạt động bình thường.

9. Cổng Hưng Long 2: Cổng 1 cửa có khẩu diện $b \cdot h$ (1,6*1,6)

- Phần công trình: Sân trước, sân sau, thân cổng ổn định.

- Phần cơ điện: 1 ổ khoá V3. Hoạt động bình thường.

B. CÁC HỆ THỐNG KÊNH LIÊN XÃ, NỘI ĐỒNG:

Nạo vét, vớt bèo, giải phóng đặng đó, ắc tắc trên hệ thống một số tuyến kênh tiêu chính và làm thủy lợi nội đồng. Tổng khối lượng theo kế hoạch:

- Nạo vét: kênh liên xã: 21.585 m³, thủy lợi nội đồng: 35.042 m³

- Vớt bèo: kênh liên xã: 441.990 m², nội đồng: 318.223 m²

- Ngày công huy động: 10.735 công

(Chi tiết có trong phụ biểu kèm theo)

C. CÁC HỆ THỐNG CÁC TRẠM BƠM TIÊU

1. Trạm bơm Xa Loan:

Thông số kỹ thuật: $F_{\text{tưới}} = 6000$ ha; $Q_{\text{tưới}} = 24.000$ m³/h; Số máy 6; loại máy 4.000m³/h.

* Công trình trạm: Bình thường

* Phần cơ điện: Máy số 4 át tô mát hỏng.

Biện pháp :

* Phần cơ điện: Thay át tô mát máy số 4.

2. Trạm bơm tiêu nam Nga Sơn:

Thông số kỹ thuật: $F_{\text{tiêu}} = 779$ ha; $Q_{\text{tiêu}} = 17.500$ m³/h; Số máy 7; loại máy 2.500m³/h.

* Công trình trạm: Cửa xếp nhà máy hỏng. Hệ thống ô kính lấy ánh sáng bị vỡ hỏng.

* Phần cơ điện: Sơn lại toàn bộ hệ thống ống thép. Máy số 7 hỏng bạc thép và bạc cao su. Đường dây 0,4 kv cấp điện trạm bơm hệ thống gíp nối hỏng đánh lửa.

Biện pháp:

* Công trình trạm: Thay cửa xếp nhà máy hỏng. Thay hệ thống ô kính lấy ánh sáng bị vỡ hỏng.

* Phần cơ điện: Sơn lại toàn bộ hệ thống ống thép. Máy số 7 thay bạc thép và bạc cao su. Thay thế hệ thống gíp đường dây 0,4 kv cấp điện trạm bơm hệ thống gíp nối hỏng đánh lửa.

3. Trạm bơm tiêu Nga Vịnh:

Thông số kỹ thuật: $F_{\text{tiêu}} = 300$ ha; $Q_{\text{tiêu}} = 5.000$ m³/h; Số máy 5; loại máy 1.000m³/h.

* Công trình trạm : Bình thường

* Phần cơ điện: máy số 1 động cơ hỏng, máy số 2 bi bơm hỏng.

Biện pháp :

* Phần cơ điện: Thay động cơ máy số 1, thay bi bơm máy số 2

4. Trạm bơm tiêu Nga Thắng:

Thông số kỹ thuật: $F_{\text{tưới}} = 750$ ha; $Q_{\text{tiêu}} = 25.000$ m³/h; Số máy 10; loại máy 2.500m³/h.

* Công trình trạm: ổ khóa V5 công xả tiêu hỏng.

* Phần cơ điện: Sơn lại hệ thống ống thép. Máy số 2, 4, 6, 7 hỏng bi, bạc thép, bạc cao su. Máy số 10 ống xả thủng.

Biện pháp :

* Công trình trạm: Thay ổ khóa V5 công xả tiêu.

* Phần cơ điện: Sơn lại hệ thống ống thép. Thay bi, bạc thép, bạc cao su máy số 2, 4, 6, 7. Thay ống xả thủng máy số 10.

5. Trạm bơm Nga Thiện:

Thông số kỹ thuật: $F_{\text{tiêu}} = 590$ ha; $Q_{\text{tiêu}} = 15.000$ m³/h; Số máy 6; loại máy 2.500m³/h.

* Công trình trạm: Cống lấy nước hỏng doãng củ tỏi.

* Phần cơ điện: Sơn lại hệ thống ống thép, át tô mát tổng 600A gãy hỏng thanh đóng cắt vận hành. Máy số 1,2,3 hỏng bi, bạc thép, bạc cao su. Máy số 5 ống xả thủng.

Biện pháp :

Công trình trạm: Thay doãng củ tỏi cống lấy nước.

Phần cơ điện: Sơn lại hệ thống ống thép. Thay át tô mát tổng 600A. Thay bi, bạc thép, bạc cao su máy số 1,2,3. Thay ống xả thủng máy số 5.

6. Trạm bơm Ba Đình:

Thông số kỹ thuật: $F_{tưới} = 780$ ha; $Q_{tưới} = 4.000$ m³/h; Số máy 4; loại máy 1.000m³/h.

* Công trình trạm: Dàn đỡ ở khóa công xả tiêu một hồng.

* Phần cơ điện: Sơn lại hệ thống ống thép. Máy số 3 bị bơm có tiếng kêu to. Máy số 1,2,4 ống hút và ống xả thủng. Cáp máy mỗi nút nổ nhiều đoạn.

Biện pháp:

* Công trình trạm: Thay dàn đỡ ở khóa công xả tiêu.

* Phần cơ điện: Sơn lại hệ thống ống thép. Thay bi bơm máy số 3. Thay ống hút và ống xả máy số 1,2,4. Thay cáp máy mới.

PHẦN II: CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG LỤT BÃO, BẢO VỆ CÔNG TRÌNH

1. Công tác phòng chống bão lụt.

- Một số công dưới đê UBND huyện Nga Sơn đã giao cho Chi nhánh thủy lợi Nga Sơn chuẩn bị vật tư để phòng chống bão lụt như: Phai gỗ, đất dự phòng, các công còn lại, xã dự trữ đất, bao tải, cọc tre do nhân dân đóng góp kết hợp với nguồn kinh phí phòng chống bão lụt của địa phương.

- Hàng năm UBND huyện Nga Sơn đều có Quyết định thành lập ban chỉ huy phòng chống thiên tai, Quyết định giao chỉ tiêu vật tư PCTT, quyết định giao chỉ tiêu lực lượng tuần tra canh gác đê kè, công cho các xã, thị trấn.

2. Công tác bảo vệ công trình.

- Các công lớn giao Chi nhánh thủy lợi Nga Sơn quản lý bố trí lực lượng nhân công vận hành và bảo vệ gồm: Công Mộng Giường 1, Mộng Giường 2, Công T3, T4, Công Văn Thắng, Công Tứ thôn và các công trình trạm bơm, kênh tưới tiêu chính. Lực lượng công nhân phối hợp với công an các địa phương bảo vệ công trình, tình hình an ninh trật tự ở các công trình đảm bảo không có hiện tượng sảy ra mất thiết bị và mất an toàn.

- Các công trình khác UBND huyện đã giao trực tiếp cho các xã sở tại để quản lý, vận hành và bảo vệ.

PHẦN III: CÔNG TÁC CHẤP HÀNH QUY TRÌNH QUY PHẠM KỸ THUẬT TRONG QUẢN LÝ VẬN HÀNH BẢO VỆ CÔNG TRÌNH

- Hàng năm Chi nhánh thủy lợi Nga Sơn tổ chức tối thiểu 1 lần tập huấn thực hiện quy trình quy phạm kỹ thuật và an toàn lao động. Thành phần gồm: Cán bộ an toàn lao động, kỹ thuật công trình, kỹ thuật, cơ điện thực hiện công tác kiểm tra việc chấp hành quy trình, quy phạm, vệ sinh an toàn lao động theo định kỳ hàng tháng, hàng quý, kiểm tra đột xuất.

- Thông qua công tác kiểm tra cho thấy: việc thực hiện quy trình, quy phạm, an toàn lao động ở các công trình để thực hiện nghiêm túc.

- Các công trình đều có cột thủy chí để theo dõi đo nước.

UBND huyện Nga Sơn báo cáo kiểm tra công trình thủy lợi trước lũ năm 2018 huyện Nga Sơn./.

Nơi nhận:

- Chi cục thủy lợi Thanh Hóa;
- Lưu: VT, NN&PTNT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Thịnh Văn Huyền

**Phụ lục: KẾ HOẠCH NẠO VẾT CÁC KÊNH TIÊU PHỤC VỤ CÔNG
TÁC PHÒNG CHỐNG LỤT BÃO NĂM 2018**

(Kèm theo công văn số 131/BC-UBND, ngày 15/4/2018 của UBND huyện Nga Sơn)

TT	Đơn vị xã, Thị trấn (Tên tuyến kênh)	Thực hiện				Số ngày công huy động (ngày)	Ghi chú
		Kênh liên xã		Kênh nội đồng			
		Nạo vét (m ³)	Vớt bèo (m ²)	Nạo vét (m ³)	Vớt bèo, dọn cỏ (m ²)		
	Tổng cộng	21,585	441,990	35,042	318,223	10,735	
1	Nga Giáp	420	9,000	360	2,400	976	
	Kênh B5B đoạn từ K19 đến kênh An Thái	420				280	
	Kênh sông Quán đoạn K19 đến Ngoại 3		3,000			120	
	Kênh An Thái đoạn từ Nga Thiện đến Nga An		6,000			240	
	Kênh sau làng từ Nội 4 đến Nội 1				2,400	96	
	Mương xương cá 11 thôn			360		240	
2	Ba Đình	300	0	1,300	0	0	
	Kênh từ cống Gõ đến Hới thôn Mậu Lâm			100			
	Từ cống lỗ cá đến kênh cấp 1 Mỹ Thành			500			
	Từ trạm bơm Nghè Lộ đến anh Hiệu Quang Chiến Thắng			700			
	Từ cống đồng Mậu đến cống Xoài Đông Cao Mậu Thịnh	300					
3	Nga Vịnh	200	1,000	0	0	115	
	Kênh lò vôi đi Ba Đình đoạn từ đê sông Hoạt đến giáp Ba Đình		500			65	
	Kênh Nghi Vịnh đi Ba Đình đoạn cống ông Viêt đến giáp Ba Đình		500			50	
	Kênh B1 đoạn từ Nghi Vịnh đến giáp Nga	200					
4	Nga An	150	10,000	1,568,0	2,000	0	
	Kênh An Thái	150	10,000				
	Mương sông xã				2,000		
	Mương trung phân			160			
	Mương trung phân cửa khái			160			
	Mương B8 đoạn 1			332,5			
	Mương B8 đoạn 2			800			
	Mương Nam ngư			115,5			

5	Nga Điền	0	60,000	0	67,100	359	
	Kênh sông Lai Thành + sông Càn cụt		60,000			100	
	Kênh sông Ruột + Bắc Hoành + Nam Hoành				6,000	30	
	Kênh Trung Hoành				3,200	15	
	Kênh Đình Trên + Đình Dưới				1,500	10	
	Kênh Ngánh Cưng + Thế Nghiệp + Đê				3,000	17	
	Ngánh Bình bò, Lương Điền				3,000	17	
	Ngánh Kỳ Tai, áp làng + Bà Quyền xóm 6				4,200	25	
	Ngánh áp làng xóm 5 từ Bắc Hoành đến ngõ ông Sơn áp ngánh bà Hiếu				3,300	21	
	Kênh Cổng Đình xóm 7				4,000	25	
	Kênh vành đai áp làng xóm 7				2,500	15	
	Kênh áp lúi sau đồng - phân mả của xóm 7-8				6,000	30	
	Mương xương cá nội đồng dài 15.200m				30,400	54	
6	Nga Thành	0	0	380	1,500	253	
	Kênh Chum mấm				500	28	
	Kênh sau kiếm - ngõ hanh			150		40	
	Kênh hói xuân thành				120	7	
	Kênh hói đôn thành				130	7	
	Kênh đĩa sau đình làng			100		30	
	Kênh hoạ - sau bèn				320	20	
	Kênh đĩa kỳ thượng bắc thành			70		30	
	Kênh cửa ủy ban				300	28	
	Kênh B6			60		35	
	Kênh đặc nhất				50	14	
	Kênh đĩa mồn - chân thông				80	14	
7	Nga Hải	0	9,500	350	1,900	725	
	Kênh Yên Hải		2,000			100	
	Kênh Hói Cái		1,500			75	
	Kênh Cầu Huyền		6,000			300	
	Kênh Đĩa vai đi sông Cầu Huyền				300	20	
	Kênh ông Kỳ				300	20	
	Kênh Gò Toàn				200	10	
	Kênh Hải Bình				500	30	
	Kênh đĩa vai				100	10	
	Kênh Cổng Thạnh				300	30	
	Kênh cầu hào			150		50	
	Kênh đượng quan				100	10	
	Kênh sau quyền				100	10	
	Kênh Sau Niên			200		60	

8	Nga Thắng	0	8,000	0	17,800	905	
	Kênh Khứu hữu Kiều		8,000			300	
	Kênh chị Nụ đi Khứu hữu Kiều				600	20	
	Kênh trước thôn 3 đi Thần				600	20	
	Kênh K19				1,500	50	
	Kênh cống đình đi ngành nghề				1,500	50	
	Kênh 2 mẫu tư đi ngành nghề				900	30	
	Kênh Mã Vắn				600	20	
	Kênh nghề đò lác lư				1,200	40	
	Kênh Khứu hữu Kiều - Gò mẹp				2,000	60	
	Kênh đường trục Bà Đàm				600	20	
	Kênh Lò vôi - Ông Vũ				600	20	
	Kênh nhà văn hóa thôn - Trạm y tế				1,000	40	
	Kênh ông Cao - ông Huế				1,000	35	
	Kênh Đồng Trước - Cống Trung				1,500	50	
	Kênh cá lúa				600	30	
	Kênh sau ông Thế				600	20	
	Kênh trước làng				600	20	
	Kênh đượng sau núi trại				900	30	
	Kênh Sóc Sững				900	30	
	Kênh Đông				600	20	
9	Nga Phú	0	0	0	5,900	295	
	Kênh đầu mong chạy cống Văn Đức				700	35	
	Kênh Ngõ Hiệu chạy sông Ngang				1,600	80	
	Kênh Ngõ Huynh chạy Chính Nghĩa				1,000	50	
	Kênh Ngõ Chiến chạy cống ông Lạc				1,200	60	
	Kênh Ngõ Luân chạy cống Yên				1,000	50	
	Kênh Ngõ Mỹ chạy cống Lạc				400	20	
10	Thị Trấn Nga Sơn	165	0	155	0	513	
	Kênh từ lồi từ Nga Trường ra sông Hưng Long	54,8				82	
	Kênh cầu ròm từ chợ mới đến bến xe	110				220	
	Kênh sau nghĩa địa vườn trát			30		30	
	Kênh tiêu ruộng chai TK3 từ Nga Yên ra sông Hưng Long			35		53	
	Kênh trạm bơm TK1			22		33	
	Kênh Cận đá + Từ lồi			23		35	
	Kênh đồng từ ao ông Hội - mường bà Chiêm			45		60	
11	Nga Mỹ	0	1,250	725	7,750	61	

	Mương tiêu cống chùa đến cống chùa nang		1,250			3
	Nghĩa chùng thôn 1		97			5
	Mương xây ông Kiệm 1		55			2
	Mương xây chơi thôn 3		55			2
	Mương xây chơi thôn 4		25			2
	Mương gốc gạo thôn 5		47			3
	Mương cây sơn		51			3
	Kênh 19 đến cây sơn		32			2
	Mương xây ông thang		27			2
	Mương xây chữ viên		43			2
	Mương vườn đạo		50			2
	Mương tiêu tây trường thôn 3			1,000		3
	Mương tiêu ông Kỳ		127			2
	Mương tiêu đồng làng thôn 2			750		3
	Mương tiêu đồng làng thôn 3			5,250		4
	Mương chữ viên thôn 7		35			4
	Mương cây lai thôn 8		41			4
	Mương tây làng thôn 8		15			3
	Mương vườn đạo ao cá		25			3
	Mương ông Xếp thôn 5			750		7
12	Nga Hưng	350	5,250	850	0	
	Kênh nội đồng xóm 1		125			
	Kênh nội đồng xóm 2		100			
	Kênh nội đồng xóm 3		135			
	Kênh nội đồng xóm 4		110			
	Kênh nội đồng xóm 5		120			
	Kênh nội đồng xóm 6		70			
	Kênh nội đồng xóm 7		80			
	Kênh nội đồng xóm 8		110			
	Kênh Đồng Hà lên sông Hưng Long	150	2,850			
	Kênh Rọc Họ lên cống Bà Dưa	70	1,400			
	Kênh ruộng Vàng Trăng xóm 6 lên Cầu Rờm	50	1,000			
	Kênh Đồng bầu xóm 4 ra cống ông Bầu	80				
13	Nga Thiện	0	3,700	16,080	0	2,300
	Kênh An thái		1,500			500
	Kênh Văn Trường Thiện		2,200			1,800
	Kênh B3			1,000		
	Kênh Đội			800		
	Kênh Trường			180		
	Kênh Hào			1,000		
	Kênh Xương Cá			13,100		

14	Nga Trường	120	820	535	0	0	
	Mương cửa Khâu			22			
	Mương ải			23			
	Mương đường tắt (Mương dọc + Ngang)			45			
	Kênh cây Đa - Cầu Cúp			23			
	Kênh cây Đa - mã đồng			34			
	Kênh Mã đừa			22			
	Kênh giếng Quan - đông ao			16			
	Mương Đông Tây giữa Rộc			23			
	Mương tiêu bà Tầu - bông bông			22			
	Mương trích la			23			
	Mương đượng			45			
	Mương Nghênh lâm			60			
	Mương tiêu cửa khâu đi đượng cát			22			
	Mương chơi trong ngoài			15			
	Mương bách đượ			15			
	Mương Bê tông kẹm			35			
	Mương cây xanh			30			
	Mương trái bầu			20			
	Mương cửa cày			15			
	Mương chơi 3			25			
	Kênh B1	70					
	Kênh B2	30					
	Kênh ông Xếp		50				
	Kênh tiêu Lê Mã Lương		70				
	Kênh Văn Trường Thiện	20	700				
15	Nga Yên	100	0	2,893	5,250	26	
	Kênh B2 (Từ cống cách - Ô Ta Nga Hải)	100				3	
	Mương B2 đi cầu đá - Cầu chùa xóm 2,4 - Cống quay				1,500	2	
	Mương B2 đi Cống ông Chiến xóm 4				700	1	
	Mương chân đường cái xóm 6 đi xóm 5				500	1	
	Mương xây xóm 3 - Cống quay xóm 2				1,000	2	
	Cống Thủy Xóm 1 đi Cầu Ông Quát				750	1	
	Tuyến mương Cận núc				800	1	
	Các tuyến kênh mương nội đồng từ xóm 1 đến xóm 10			2,893		15	
16	Nga Văn	950	0	2,460	0		
	Kênh mã song			500			
	Kênh ông Long đi đường phát			230			

	Kênh mã thái			520		
	Kênh sóc			1,210		
	Kênh hào chìm	950				
17	Nga Nhân	0	1,000	390	0	450
	Kênh cầu mè		1,000			
	Kênh Đồng già			40		
	Bờ dó			20		
	Kênh Đặc 1,2			35		
	Kênh Đồng thẳng			40		
	Kênh ngầy sùng			45		
	Kênh sau chùa			30		
	Kênh cây dâu, kỹ thuật			60		
	Kênh mã ổi			40		
	Kênh N8			45		
	Kênh Trạm điện - N6			35		
18	Nga Bạch	70	6,000	215	0	100
	Tuyến kênh liên xã Hoa Tuệ	70	6,000			100
	Tuyến mương ao lai			80		
	Tuyến mương chợ niêm			70		
	Tuyến mương đồng sy			65		
19	Nga Thanh	620	29,300	1,100	16,100	1,291
	Kênh Ngang nam: 2.200		17,600			117
	Kênh T3: 450		3,600			24
	Kênh ông Miêu: 500		2,500			17
	Kênh ông Bốn: 700	500	5,600			400
	Bồi trúc, mở rộng đê sông Hưng Long (đoạn cong gần kênh 19 cũ)	120				70
	Kênh trang trại: từ nhà ông Thế đến đồng Bát mẫu xóm 7				2,100	14
	Kênh ông Phạm xóm 4			200		100
	Đào mương, đắp đường sau khu quy hoạch đất ở đê NH1 xóm 1, xóm 4, xóm 5.			300		150
	Kênh ông Tấn xóm 1			45	2,000	36
	Kênh ông Vinh xóm 2			45	1,000	30
	Kênh ông Bình xóm 2			45	1,000	30
	Kênh ông Nghĩa xóm 3			45	1,600	34
	Kênh ông Tuấn xóm 3			45	1,000	30
	Kênh ông Bê xóm 4			45	2,000	36
	Kênh ông Sơn xóm 4			45	1,000	30
	Kênh ông Ngừ xóm 5			45	1,200	31
	Kênh bà Dương xóm 5			45	2,000	36
	Kênh ông Bách xóm 6			45	1,200	31
	Kênh đồng xóm 7			150		75
20	Nga Thủy	0	6,000	2,500	10,000	

	Kênh Ngang Nam		6,000			
	Kênh nội đồng 10 thôn			2,500	10,000	
21	Nga Thái	8,000	43,500	0	20,000	
	Kênh sông Ngang		21,000			
	Kênh sông Hải Sơn		2,000			
	Kênh Thanh Sơn		3,600			
	Kênh sông Trường Sơn		2,000			
	Kênh sông Thái Thịnh		2,500			
	Kênh xóm 9 đi nông sản		4,400			
	Kênh sông mới Từ Thịnh xóm 8 đến hết xóm 7		4,000			
	Mương chân đê		4,000			
	Mương nội đồng				20,000	
	Mương xóm 4	2,000				
	Mương xóm 5	3,000				
	Mương xóm 7	2,000				
	Nạo vét tạo dòng trạm bơm	1,000				
22	Nga Tân	10,080	89,095	2,275	0	570
	Nhánh bao triều	7,280				270
	Kênh Tân Mỹ	2,800	17,868			150
	Nhánh nội đồng xóm 1			2,275		150
	Kênh ba Làng		11,415			
	Kênh Tân Hưng		36,312			
	Kênh sông 10		13,000			
	Kênh Tây Làng		10,500			
23	Nga Liên	0	35,875	0	17,840	
	Sông Ngang Bắc		16,500			
	Sông Ông Mão		4,375			
	Sông Ông Đồng		5,000			
	Sông cầu Đen		5,000			
	Sông Tiến Thành		5,000			
	Mương ông Uy				540	
	Mương ông Minh				540	
	Mương ông Lịch				540	
	Ngánh ông Dũng xóm 5				950	
	Ngánh ông Tư xóm 5				300	
	Ngánh ông Dong xóm 5				300	
	Ngánh Chân Đê				3,000	
	Ngánh ông Chuyên xóm 2				800	
	Ngánh ông Khoát xóm 2				950	
	Ngánh ông Hào xóm 2				500	
	Ngánh ông Bảy xóm 9				500	
	Ngánh ông Chúc xóm 9				950	
	Ngánh giáp Nga Thái				950	
	Ngánh Nhà văn hóa xóm 3				550	

	Ngánh Nhà văn hóa xóm 3 ra đê				550	
	Ngánh bà Nhỡ X9				360	
	Ngánh và Kiều xóm 4				300	
	Ngánh ông Tư xóm 4				500	
	Ngánh ông Thuận xóm 1				480	
	Ngánh ông Sơn xóm 1				480	
	Ngánh ông Hòa xóm 9				320	
	Ngánh Tây đường ông Hội				590	
	Ngánh bà cầu				320	
	Ngánh Nhà Thờ				320	
	Ngánh ông Hiến				320	
	Ngánh sau Ngọc xóm 1				320	
	Ngánh sau ông Thủy xóm 3				450	
	Ngánh Bà Tuyên				350	
	Ngánh trước ông Ngôn				450	
	Ngánh trạm biển áp xóm 5				360	
24	Nga Tiên	0	109,000	0	115,500	1,155
	Sông 10				40,500	200
	Sông 12				75,000	280
	Sông Tiến An		24,000			145
	Sông Xuân Mai		19,600			120
	Sông Mậu Đức		24,000			145
	Sông 10		36,000			215
	Sông 12		5,400			50
25	Nga Thạch	0	700	666	9,643	0
	Kênh phía Nam		700			
	Kênh lát sau cầu máng				280	
	Kênh N7			142		
	Kênh đường 5				300	
	Từ đốc bà Mưu				544	
	Kênh rôt đặc				675	
	Kênh hói ráng				1,050	
	Kênh 3/2				875	
	Kênh giữa đồng				720	
	Kênh thứ 8				374	
	Kênh đồng sòi				875	
	Kênh đường lốc				300	
	Kênh cống kho				582	
	Kênh cống 4 cửa bãi giá				260	
	Kênh từ cống 4 cửa trở vào				1,161	
	Kênh dong giữa				1,161	
	Kênh cống nghè 2				486	
	Kênh đống cao đống sãnh			150		
	Kênh vùng 1 + vùng 2			100		

	Kênh xây rặng đầu			174		
	Vết hục bom			100		
26	Nga Trung	0	12,500	0	15,540	641
	Kênh sao sa		12,500			560
	Kênh tiêu sau bà				2,880	15
	Kênh tiêu đồng trợ				2,400	14
	Kênh tiêu tây hai				3,360	17
	Kênh tiêu cô đang				1,590	7
	Kênh tiêu cầu thang				1,140	5
	Kênh đồng ao cá				990	5
	Kênh tiêu công hồ				1,080	5
	Kênh tây bằm				2,100	13
27	Nga Lĩnh	60	500	240	2,000	
	Kênh Hói Ráng	60	500			
	Kênh đồng đội			50	300	
	Kênh Hội Kê			50	500	
	Kênh Giải Huấn			30	500	
	Kênh Vân Hoàn			50	500	
	Kênh Báo Văn			60	200	